

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2018/DS-ST

Ngày: 22 – 11 – 2018

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Chánh.

Ông Phan Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2017/TLST – DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2017/QĐXXST-DS ngày 05/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tăng Văn T, sinh năm 1952. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 131, khóm M, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1/ Bà Tiền Kim B, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

2/ Ông Võ Văn L, sinh năm 1965. (Vắng mặt)

3/ Ông Võ Trọng T1, sinh năm 1990. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm B, phường H, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2017 và Tại phiên tòa nguyên đơn ông Tăng Văn T trình bày như sau: Vợ chồng ông Võ Văn L và bà Tiền Kim B cùng con Võ Trọng T1 có vay của ông tổng cộng số tiền 330.000.000đồng, cụ thể như sau:

- Vào ngày 03/10/2016, bà B và ông T1 vay 60.000.000đồng.
- Vào ngày 12/10/2016, bà B vay 10.000.000đồng.
- Vào ngày 10/11/2016, ông L, bà B vay 10.000.000đồng.
- Vào ngày 03/12/2016, ông T, bà B vay 60.000.000đồng.
- Vào ngày 06/12/2016, ông L, bà B, ông T vay 60.000.000đồng.
- Vào ngày 11/12/2016, bà B vay 10.000.000đồng.
- Vào ngày 16/12/2016, bà B, ông L, ông T vay 60.000.000đồng.
- Vào ngày 19/12/2016, bà B, ông L vay ông số tiền 60.000.000đồng

Tất cả các khoản vay đều là tiền trả góp mỗi ngày nhưng sau khi vay thì ông L, bà B, ông T1 không trả cho ông được khoản tiền nào, ông có nhiều lần đến đòi thì ông T1, bà B, ông L nói sẽ bán đất trả cho ông nhưng đến nay không thấy trả mặc dù ông L, bà B, ông T1 đã bán đất xong. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Võ Văn L và bà Tiền Kim B cùng con Võ Trọng T1 trả cho ông số tiền vốn vay 330.000.000 đồng, trả một lần, ông không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy khai ngày 10 tháng 05 năm 2018, bị đơn ông Võ Văn L trình bày: Chữ ký trong các biên nhận nợ mà ông T cung cấp không phải là chữ ký và chữ viết của ông nhưng ông không yêu cầu giám định vì trước đây ông có ký vào 04 tờ giấy vay tiền ông T, mỗi lần vay là 60.000.000 đồng x 4 lần là 240.000.000 đồng nhưng thực tế gia đình ông chỉ nhận của ông T có 200.000.000 đồng vì thỏa thuận vay 50.000.000 đồng nhưng ghi là 60.000.000 đồng. Còn chữ ký của vợ ông là bà Tiền Kim B và con ông là Võ Trọng T1 thì ông không biết có phải hay không nhưng bà B và ông T1 có vay tiền ông T thì ông cũng biết vì gia đình ông cùng đi vay ông T. Nhưng thực tế thì gia đình ông có trả cho ông T được 111.000.000 đồng, hiện nay chỉ còn nợ lại 89.000.000 đồng. Nhưng do gia đình ông hiện nay khó khăn, ông xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho ông T cho đến khi dứt nợ.

Tại biên bản lấy khai ngày 12 tháng 11 năm 2018, bị đơn bà Tiền Kim B trình bày: Bà thừa nhận chữ ký trong các biên nhận mà ông T cung cấp là của bà cùng chồng bà ông Võ Văn L và con bà ông Võ Trọng T1. Tổng số tiền bà vay của ông T là 330.000.000 đồng nhưng hiện nay bà đã trả hết chỉ còn nợ lại ông T khoảng 100.000.000 đồng, khi trả tiền cho ông T bà sơ suất không lấy lại biên nhận nợ nên ông T lấy biên nhận cũ ra kiện bà, bà không đồng ý. Bà vay tiền ông T về phục vụ cho việc kinh doanh của gia đình nhưng do thất bại nên mất khả năng trả nợ. Nay gia đình

khó khăn, chồng bà đang điều trị bệnh tim, bà xin trả dần ông T số tiền còn thiếu 100.000.000đồng, mỗi tháng bà trả 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại biên bản lấy khai ngày 03/8/2018 cũng như tại phiên tòa, ông Võ Trọng T1 trình bày: Ông thừa nhận chữ ký trong các biên nhận mà ông T cung cấp là của ông cùng cha mẹ ông là ông Võ Văn L và bà Tiền Kim B. Tổng số tiền gia đình ông vay của ông T là 330.000.000 đồng, vay trả góp hằng ngày như ông T trình bày là đúng nhưng hiện nay đã trả được 210.000.000 đồng, còn nợ lại ông T khoảng 120.000.000 đồng, việc trả tiền cho ông T ông không nhớ rõ ngày nào, khi trả tiền thì có gia đình ông và ông T không ai chứng kiến. Ông xin trả dần cho ông T mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm*: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các biên bản lấy khai ông Võ Văn L, bà Tiền Kim B cũng như tại phiên tòa ông Võ Trọng T1 cũng thừa nhận gia đình ông có vay của ông Tăng Văn T số tiền 330.000.000 đồng, đây là tính tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T1, ông L, bà B cho rằng có trả cho ông T đến nay còn thiếu khoảng trên dưới 100.000.000 đồng nhưng không cung cấp được các chứng cứ, chứng minh, ông T không thừa nhận có việc này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tăng Văn T, buộc ông Võ Văn L, bà Tiền Kim B, ông Võ Trọng T1 liên đới trả cho ông T số tiền 330.000.000 đồng. Về lãi suất ông T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Tiền Kim B, ông Võ Văn L vắng mặt nhưng bà B, ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà B và ông L.

[2] Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu Tòa án buộc ông T1, bà B, ông L liên đới trả cho ông số tiền 330.000.000đồng theo các hợp đồng vay ngày 13/10/2016; 03/12/2016; 06/12/2016 và 16/12/2016; 12/10/2016; 10/11/2016; 11/12/2016; ngày 19/12/2016, ông không yêu cầu tính lãi. Tại biên bản lấy khai ngày 12/11/2018, bà B cũng thừa nhận các biên nhận do ông T cung cấp là chữ ký của bà cùng chồng bà ông Võ Văn L và con bà Võ Trọng T1. Tuy nhiên, bà đã trả cho ông T được 230.000.000 đồng, còn thiếu lại 100.000.000đồng nhưng do sơ suất không thu

hồi giấy nợ nên ông T còn giữ giấy nợ mà đi kiện bà, việc trả tiền chỉ có bà và ông T biết ngoài ra không ai biết cũng không có làm biên nhận. Nay bà xin trả dần cho ông T mỗi tháng 500.000đồng cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa ông T1 cũng thừa nhận chữ ký trong các tờ biên nhận mà ông T cung cấp là của ông cùng cha, mẹ ông là ông L và bà B, các khoản tiền vay là tiền trả góp, gia đình ông đã trả được 210.000.000 đồng cho ông T còn thiếu lại khoảng 120.000.000 đồng, khi trả tiền ông không nhớ ngày tháng, việc trả tiền chỉ có gia đình ông và ông T biết không ai chứng kiến. Nay ông cũng xin trả dần cho ông T mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

[3] Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp nguyên đơn ông Tăng Văn T đã cung cấp cho Tòa án các giấy vay tiền ngày 03/10/2016; ngày 12/10/2016; 10/11/2016; ngày 03/12/2016; ngày 06/12/2016; 11/12/2016; ngày 16/12/2016; ngày 19/12/2016 dương lịch. Bà B, ông T1 cũng thừa nhận chữ ký là của ông, bà và ông L trong các biên nhận này. Do đó, có căn cứ để HĐXX xác định bà B, ông L, ông T1 có vay của ông Tăng Văn T số tiền 330.000.000 đồng theo các biên nhận ông T cung cấp là sự thật, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thỏa thuận vay tiền giữa ông T với bà B, ông L, ông T1 là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự 2015, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 của Bộ luật Dân sự 2015 và hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Bà B cho rằng hiện nay chỉ còn nợ ông T khoảng 100.000.000đồng. Bà có trả cho ông T được 230.000.000 đồng, việc trả tiền thì chỉ có bà và ông T biết, không có làm giấy tờ gì. Nay bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa, ông T cũng thừa nhận có ký nhận nợ ông T tổng số tiền 330.000.000đồng, nhưng gia đình ông đã trả cho ông T còn thiếu lại khoảng 120.000.000đồng, trả mấy lần, số tiền bao nhiêu thì ông không nhớ, khi trả không có làm biên nhận, không có người chứng kiến. Việc bà B, ông T1 cho rằng trong quá trình vay thì có trả cho ông T số tiền vốn từ 210.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng nhưng ông, bà không cung cấp được các chứng cứ chứng minh cũng như việc trả tiền không ai biết, không có làm biên nhận. Tại phiên tòa, ông T không thừa nhận có nhận tiền của bà B, ông T1. Do đó, lời trình bày của bà B, ông T1 là không có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm trả nợ của từng người: Bà B thừa nhận dùng số tiền vay của ông T về để phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung trong gia đình và tại biên bản lấy khai ngày 10/5/2018 ông L cũng thừa nhận việc bà B vay tiền về là để phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình, ông cũng biết. Tại phiên tòa, ông T1 trình bày ông ở chung với gia đình, việc mượn tiền ông T về nhằm phục vụ nhu cầu kinh doanh của gia đình nhưng bị thất bại do đó ông cũng đồng ý cùng cha mẹ ông liên đới trả tiền cho ông T nhưng ông xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Vì vậy, việc ông T yêu cầu bà B, ông L, ông T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền vốn vay

330.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với việc ông L, bà B, ông T1 xin trả dần cho ông T mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn thiếu. Thấy rằng, tại phiên tòa ông T không đồng ý cho trả dần, ông T yêu cầu trả một lần vì gia đình bà B đã hứa trả cho ông nhiều lần nhưng không thực hiện nên không có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Việc trả dần các bên có thể thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án.

[7] Về phần lãi suất: Ông T không yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Ý kiến của đại viện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông L, bà B, ông T1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 119; Điều 288; Điều 398; Điều 401; Điều 463; và khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Võ Văn L, bà Tiền Kim B, ông Võ Trọng T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Tăng Văn T số tiền 330.000.000 đồng (*Ba trăm, ba chục triệu đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Tăng Văn T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông L, bà B, ông T1 còn phải trả lãi cho ông T theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Văn L, bà Tiền Kim B, ông Võ Trọng T1 cùng chịu số tiền 16.500.000 đồng (*Mười sáu triệu, năm trăm ngàn đồng*). Ông Tăng Văn T không phải chịu án phí.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- T.H.A dân sự TX Ngã Năm;
- TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn

